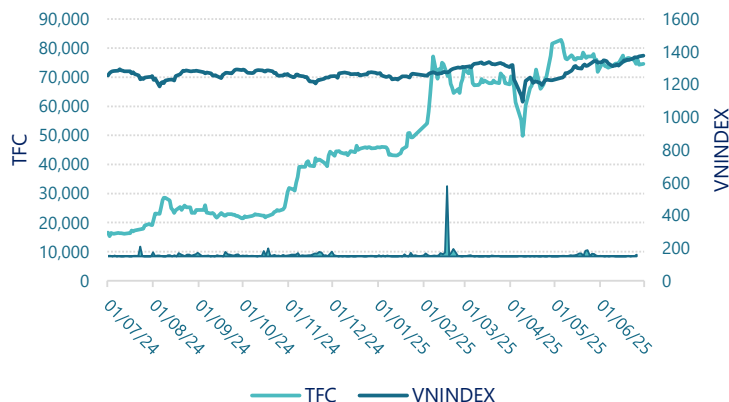




CTCP Trang (HNX: TFC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	76,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	82,847
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,324
SL cổ phiếu LH	16,829,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,730
% sở hữu nước ngoài	33.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,294
P/E	6.7
EPS	11,502

DT thuần

Q2/25

230

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 8.0%

YoY: ▲ 37.0 | 19.2%

LN sau thuế

Q2/25

32.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.90 | -17.6%

YoY: ▲ 5.00 | 18.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

18.9%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

6T 2025

443

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 157 | 54.7%

LN sau thuế

6T 2025

71.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.9 | 134%

ROE

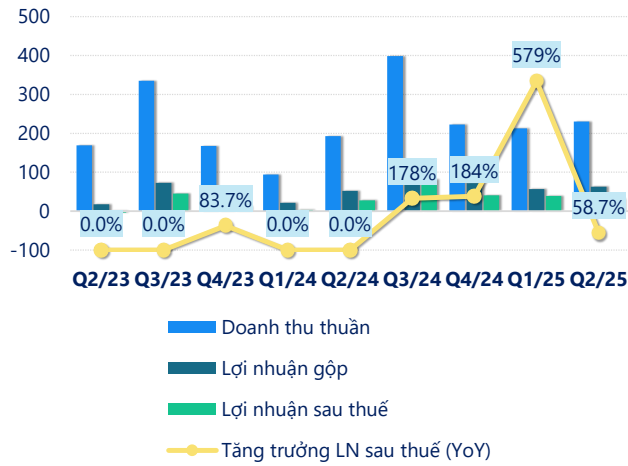
Q2/25

52.9%

+/- YoY: ▲ 15.8%

tỷ VNĐ

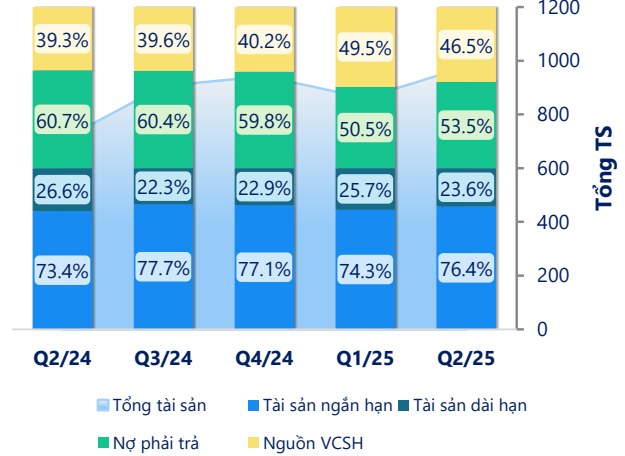
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

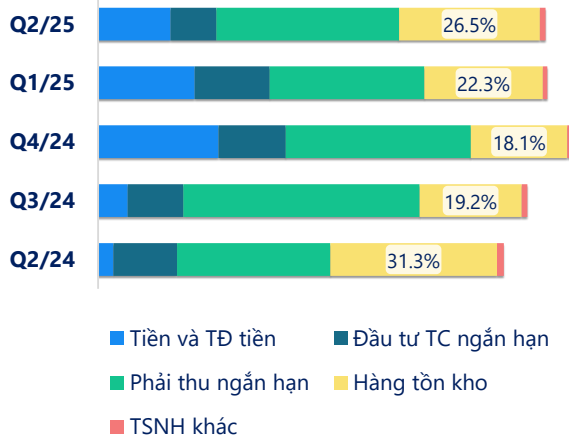
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



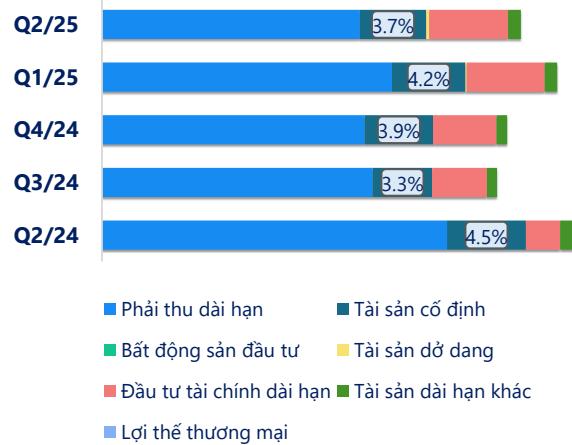
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

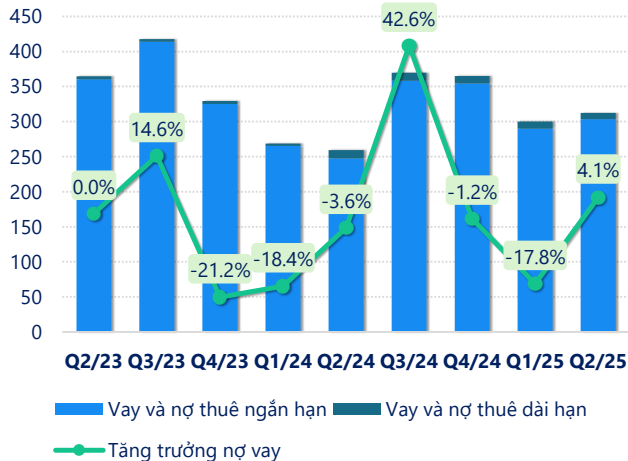
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

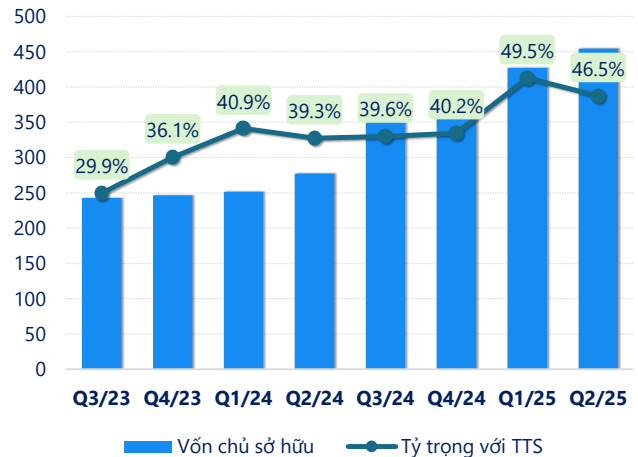
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

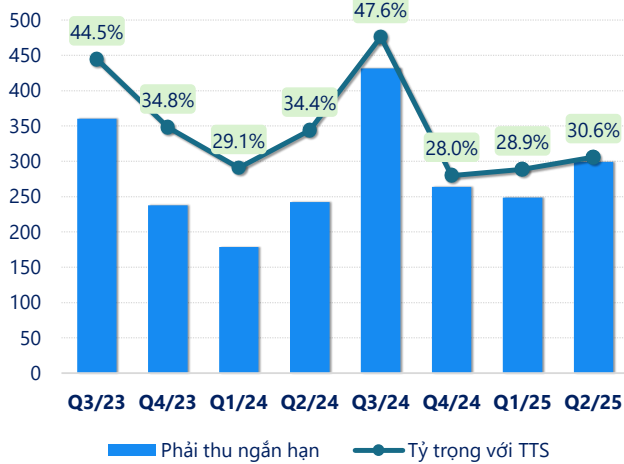
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



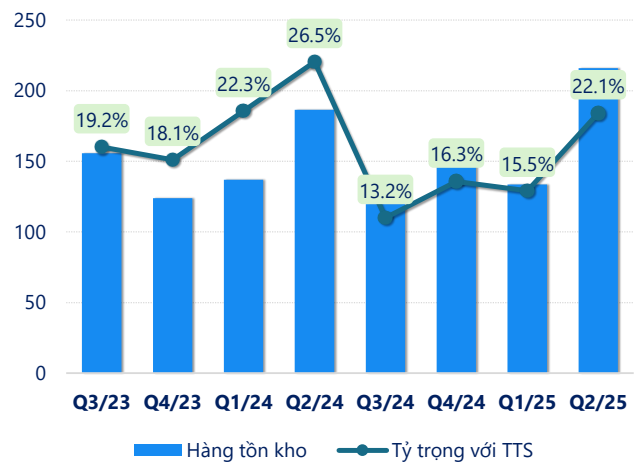
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


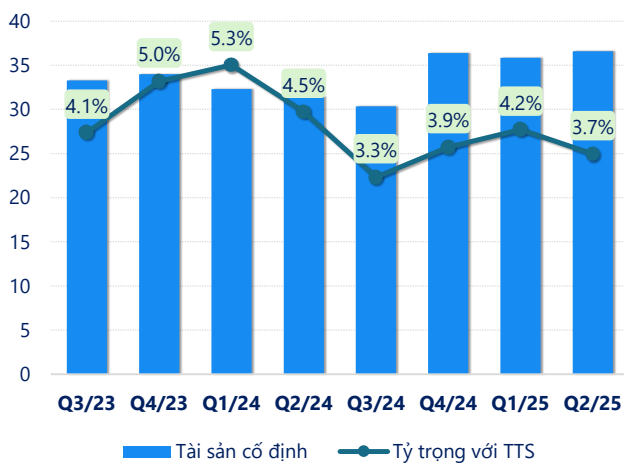
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


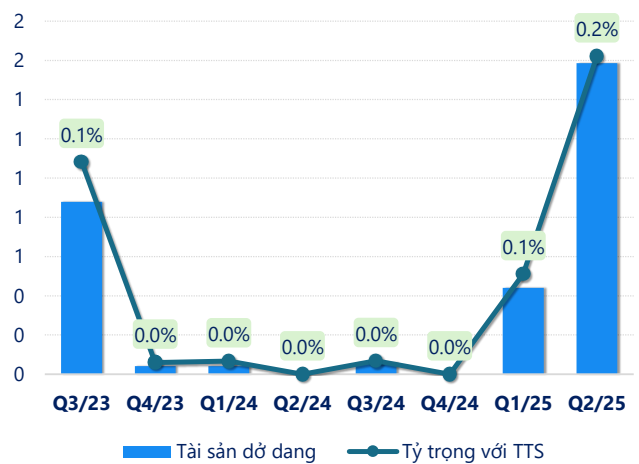
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

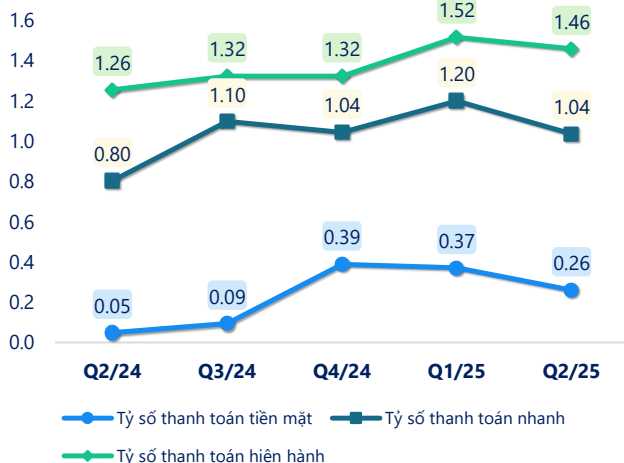
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

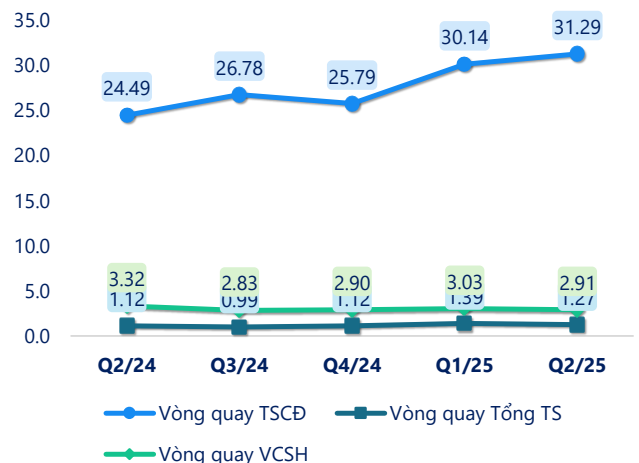
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	705	906	943	862	978
Tài sản ngắn hạn	518	704	727	640	747
Tiền và tương đương tiền	20.1	50.2	213	157	133
Đầu tư tài chính ngắn hạn	61.1	86.9	93.8	93.8	94.3
Phải thu ngắn hạn	242	431	264	249	299
Hàng tồn kho	186	120	154	134	216
Tài sản ngắn hạn khác	7.73	16.0	2.87	7.43	4.18
Tài sản dài hạn	187	202	215	221	231
Phải thu dài hạn	137	138	140	141	142
Tài sản cố định	31.5	30.4	36.4	35.8	36.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.06	0	0.44	1.59
Đầu tư tài chính dài hạn	13.5	27.9	33.6	37.9	43.6
Tài sản dài hạn khác	5.08	5.17	5.76	6.15	7.00
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	428	547	564	435	523
Nợ ngắn hạn	412	532	549	422	512
Vay và nợ thuê ngắn hạn	247	358	354	290	303
Phải trả người bán ngắn hạn	140	125	109	94.2	155
Nợ dài hạn	15.5	15.0	14.4	12.6	11.4
Vay và nợ thuê dài hạn	11.8	11.3	10.7	10.4	9.13
Nguồn vốn chủ sở hữu	277	359	379	427	455
Vốn chủ sở hữu	277	359	379	427	455
Vốn điều lệ	168	168	168	168	168
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)